

Số: 0024/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0024.20

Ngày : 26/12/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre

Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Tên mẫu (*) : NƯỚC THÔ

Địa điểm lấy mẫu (*) : An Hiệp

Ngày lấy mẫu (*) : 04/12/2019

Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200 ml

Ngày nhận mẫu : 04/12/2019

Thời gian thử nghiệm : 04/12 - 26/12/2019



Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$7,5.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$9,1.10^2$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,24	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500Cl ⁻ B-2017	12,50	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,49	/
7	Hàm lượng Mangan tổng số mg/l	Palintest	0,11	/
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	20,00	/
9	Total organic carbon (TOC) mg/l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999 (E)) (1)	4,03	/
10	BOD ₅ (20°C) mg/l	SMEWW 5210 D - 2017 (1)	< MLOQ=3,00 mg/l	/
11	COD mg/l	SMEWW 5220 D - 2017 (1)	9,00	/
12	Kẽm (Zn) mg/l	SMEWW 3120 B - 2017 (1)	KPH MLOQ=0,010mg/l	/

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0024.20

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
13	Dầu mỡ tổng mg/l	EPA 1664 – 1999 (1)	< MLOQ=0,30 mg/l	/
14	Oxy hòa tan (DO) mg/l	Ref.EPA 360.1 (1)	4,80	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 02 bình nhựa và 01 chai thủy tinh có đậy nắp kín, không nhãn, NSX- HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (1): Kết quả do Viện Y Tế Công Cộng TP.Hồ Chí Minh thực hiện.

p **TRƯỞNG KHOA**

Vũ Thị Giem

GIÁM ĐỐC
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0013/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0013.20

Ngày : 19/12/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Sơn Đông
Ngày lấy mẫu (*) : 03/12/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/12/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/12 - 16/12/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$2,3.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$9,1.10^2$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,54	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500Cl ⁻ B-2017	19,50	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,71	/
7	Hàm lượng Mangan tổng số mg/l	Palintest	0,12	/
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	24,00	/
9	Total organic carbon (TOC) mg/l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999 (E)) (1)	3,82	/
10	BOD ₅ (20°C) mg/l	SMEWW 5210 D - 2017 (1)	< MLOQ=3,00 mg/l	/
11	COD mg/l	SMEWW 5220 D - 2017 (1)	5,00	/
12	Kẽm (Zn) mg/l	SMEWW 3120 B - 2017 (1)	< MLOQ=0,033 mg/l	/

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0013.20

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBD (**)
13	Dầu mỡ tổng mg/l	EPA 1664 – 1999 (1)	< MLOQ=0,30 mg/l	/
14	Oxy hòa tan (DO) mg/l	Ref.EPA 360.1 (1)	6,70	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 02 bình nhựa và 01 chai thủy tinh có đầy nắp kín, không nhãn, NSX- HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (1): Kết quả do Viện Y Tế Công Cộng TP.Hồ Chí Minh thực hiện.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Giém

GIÁM ĐỐC
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
PHÒNG KIỂM ĐỐC
TRUNG TÂM
Y KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
TỈNH BẾN TRE
Nguyễn Hữu Linh

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0014/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0014.20

Ngày : 19/12/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : CN Phú Tân
Ngày lấy mẫu (*) : 03/12/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/12/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/12 - 16/12/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$1,5.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$3,6.10^2$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,50	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500Cl ⁻ B-2017	24,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,32	/
7	Hàm lượng Mangan tổng số mg/l	Palintest	0,28	/
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	4,00	/
9	Total organic carbon (TOC) mg/l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999 (E)) (1)	4,14	/
10	BOD ₅ (20°C) mg/l	SMEWW 5210 D – 2017 (1)	< MLOQ=3,00 mg/l	/
11	COD mg/l	SMEWW 5220 D – 2017 (1)	14,00	/
12	Kẽm (Zn) mg/l	SMEWW 3120 B – 2017 (1)	< MLOQ=0,033 mg/l	/

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phù k=2.

Mã số mẫu : 0014.20

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
13	Dầu mỡ tổng mg/l	EPA 1664 – 1999 (1)	< MLOQ=0,30 mg/l	/
14	Oxy hòa tan (DO) mg/l	Ref.EPA 360.1 (1)	6,30	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 02 bình nhựa và 01 chai thủy tinh có đậy nắp kín, không nhãn, NSX- HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (1): Kết quả do Viện Y Tế Công Cộng TP.Hồ Chí Minh thực hiện.

TRƯỞNG KHOA

Võ Thị Ciém



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0015/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0015.20

Ngày : 19/12/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : NMN Lương Quới
Ngày lấy mẫu (*) : 03/12/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 03/12/2019
Thời gian thử nghiệm : 03/12 - 16/12/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$4,3.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$2,3.10^3$	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,52	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500Cl ⁻ B-2017	35,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số (Fe ²⁺ + Fe ³⁺) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,70	/
7	Hàm lượng Mangan tổng số mg/l	Palintest	0,32	/
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	24,00	/
9	Total organic carbon (TOC) mg/l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999 (E)) (1)	3,85	/
10	BOD ₅ (20°C) mg/l	SMEWW 5210 D – 2017 (1)	< MLOQ=3,00 mg/l	/
11	COD mg/l	SMEWW 5220 D – 2017 (1)	7,00	/
12	Kẽm (Zn) mg/l	SMEWW 3120 B – 2017 (1)	< MLOQ=0,033 mg/l	/

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0015.20

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
13	Dầu mỡ tổng mg/l	EPA 1664 – 1999 (1)	< MLOQ=0,30 mg/l	/
14	Oxy hòa tan (DO) mg/l	Ref.EPA 360.1 (1)	6,50	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 02 bình nhựa và 01 chai thủy tinh có đậy nắp kín, không nhãn, NSX- HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (1): Kết quả do Viện Y Tế Công Cộng TP.Hồ Chí Minh thực hiện.

TRƯỞNG KHOA

Vũ Thị Giém



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
- (*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
- (**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Số: 0025/KSBT-XN

Mã số mẫu : 0025.20

Ngày : 26/12/2019

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng (*) : Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
Địa chỉ (*) : 103, Nguyễn Huệ, phường 1, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
Tên mẫu (*) : **NƯỚC THÔ**
Địa điểm lấy mẫu (*) : Chợ Lách
Ngày lấy mẫu (*) : 04/12/2019
Lượng mẫu : 01 bình x 01 lít + 01 bình x 02 lít + 01 chai x 200 ml
Ngày nhận mẫu : 04/12/2019
Thời gian thử nghiệm : 04/12 - 26/12/2019

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBĐ (**)
1	Coliform MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	$4,3.10^3$	/
2	<i>Escherichia coli</i> MPN/100ml	TCVN 6187-2:1996	70	/
3	pH	TCVN 6492 - 2011	7,51	/
4	Hàm lượng Amoni mg/l	EPA-350.2	KPH	/
5	Hàm lượng Clorua mg/l	SMEWW 4500Cl ⁻ B-2017	9,00	/
6	Hàm lượng sắt tổng số ($Fe^{2+} + Fe^{3+}$) mg/l	SMEWW 3500- Fe-B 2017	0,18	/
7	Hàm lượng Mangan tổng số mg/l	Palintest	0,09	/
8	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) mg/l	SMEWW 2540 D-2017	10,00	/
9	Total organic carbon (TOC) mg/l	TCVN 6634:2000 (ISO 8245:1999 (E)) (1)	3,85	/
10	BOD ₅ (20°C) mg/l	SMEWW 5210 D - 2017 (1)	< MLOQ=3,00 mg/l	/
11	COD mg/l	SMEWW 5220 D - 2017 (1)	6,86	/
12	Kẽm (Zn) mg/l	SMEWW 3120 B - 2017 (1)	KPH MLOQ=0,010 mg/l	/

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.
- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.
- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.
(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp
(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.

Mã số mẫu : 0025.20

Stt	Chỉ tiêu, đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	ĐKĐBD (**)
13	Dầu mỡ tổng mg/l	EPA 1664 – 1999 (1)	< MLOQ=0,30 mg/l	/
14	Oxy hòa tan (DO) mg/l	Ref.EPA 360.1 (1)	5,60	/

Nhận xét: Mẫu nước thô có các chỉ tiêu được thử nghiệm cho kết quả như trên.

Ghi chú:

- Mẫu lỏng, không màu, đựng trong 02 bình nhựa và 01 chai thủy tinh có đậy nắp kín, không nhãn, NSX- HSD: không thể hiện.
- Kết quả: KPH: không phát hiện.
- (1): Kết quả do Viện Y Tế Công Cộng TP.Hồ Chí Minh thực hiện.

TRƯỞNG KHOA


Võ Chi Giếm



Nguyễn Hữu Định

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến.

- MLOD: Ngưỡng phát hiện của phương pháp/The Method Limit of Detection.

- MLOQ: Ngưỡng định lượng của phương pháp/The Method Limit of Quantification.

(*) : Thông tin do khách hàng cung cấp

(**) : Độ không đảm bảo đo mở rộng, mức tin cậy 95%, hệ số phủ k=2.